

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/11

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 17.10.2022
Sản phẩm: **Hydroxycitronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035054/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Hydroxycitronellal

Sử dụng: Hóa chất, Chemical for detergents, Cosmetic and oral care chemical, flavoring substance

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:
Thương tổn mắt/ kích ứng mắt nghiêm trọng: Cat.2A
Chất gây dị ứng da: Cat.1B
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.3

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 17.10.2022
 Sản phẩm: **Hydroxycitronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035054/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 21.10.2025



Cảnh báo:

Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H317	Có thể gây phản ứng dị ứng da.
H402	Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh.

Biện pháp phòng ngừa:

P280	Đeo găng tay bảo vệ và bảo vệ mắt/ mặt. Tránh hít phải sương hoặc hơi hoặc bụi nước
P273	Tránh thải vào môi trường.
P272	Áo quần làm việc bị nhiễm bẩn hóa chất không được phép mang ra khỏi khu vực làm việc.
P264	Rửa kỹ với nhiều nước và xả phòng sau khi sử dụng.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P305+P351+P338	NẾU VẮNG VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính sát trùng, nếu có và thực hiện nhẹ nhàng. Tiếp tục rửa sạch.
P302+P352	NẾU DÍNH TRÊN DA: Rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
P333+P313	Nếu kích ứng da kéo dài hoặc bị phát ban: Yêu cầu trợ giúp y tế
P362 + P364	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
P337+P313	Nếu kích ứng mắt kéo dài: Yêu cầu trợ giúp y tế

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Khi bị phân tán dạng mịn, quá trình tự bắt cháy có thể hình thành.

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

7-hydroxycitronellal

Số CAS: 107-75-5

Thành phần nguy hại

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 17.10.2022
Sản phẩm: **Hydroxycitronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035054/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 21.10.2025

7-hydroxycitronellal

Hàm lượng (W/W): $\geq 75\%$ - $\leq 100\%$
Số CAS: 107-75-5

Eye Dam./Irrit.: Cat. 2A
Skin Sens.: Cat. 1B
Aquatic Acute: Cat. 3

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:
Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:
Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:
rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to, tư vấn với chuyên gia mắt

Khi nuốt phải:
Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:
Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11., Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến
Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:
cacbon dioxide, bột khô, bọt

Những mối nguy hiểm cụ thể:
các oxit cacbon, những chất dạng hơi có hại
Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập và áo quần bảo hộ chống hóa chất.

Thông tin bổ sung:
Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Không hít thở hơi/bụi nước. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Chứa đựng với vật liệu hấp thụ (vd. cát, gien silica, chất gắn axit, chất gắn đa năng, mùn cưa).

Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bơm hút sản phẩm.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Mặc quần áo bảo hộ lao động và đeo thiết bị bảo vệ mắt/ mặt phù hợp. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Giữ thùng chứa thật kín.

Phòng chống cháy nổ:

Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở.

Hướng dẫn bảo quản

Cách ly với các chất oxy hóa.

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Đóng chặt và lưu giữ nơi mát mẻ, thông thoáng tốt. Bảo vệ khỏi tác động của ánh sáng.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

| Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cụ thể được biết đến.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Bảo vệ hô hấp khi hơi/ aerosol thoát ra. Bộ lọc hạt có hiệu suất trung bình đối với các hạt rắn và lỏng (vd. EN 143 hay 149, Loại P2 hay FFP2)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 17.10.2022
 Sản phẩm: **Hydroxycitronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035054/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 21.10.2025

Bảo vệ tay:

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN ISO 374-1) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1) : Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thẩm thấu được xác định qua các thí nghiệm
 Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Phải chọn biện pháp bảo vệ toàn thân dựa trên mức độ hoạt tính và phơi nhiễm.

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Yêu cầu mặc trang phục làm việc bó sát ngoài thiết bị bảo vệ cá nhân đã nêu. Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	chất lỏng	
Màu sắc:	không màu, trong	
Mùi:	mùi hương hoa	
Ngưỡng mùi:	< 100 ppm	
Giá trị pH:	tương đương 7	
Điểm nóng chảy:	< -100 °C	(OECD-Hướng dẫn 102)
Điểm sôi:	240.49 °C (1,013.25 hPa)	(được đo lường)
điểm phân hủy:	Chất / sản phẩm phân hủy. > 140 °C (1,013.25 hPa) Chất / sản phẩm phân hủy.	(được đo lường)
Điểm chớp cháy:	113 °C Dữ liệu tài liệu.	
Tốc độ bay hơi:	Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	khó cháy	(được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn., Giới hạn nổ dưới có thể thấp hơn từ 5 - 15 °C so với độ chớp cháy.	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 17.10.2022
 Sản phẩm: **Hydroxycitronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035054/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 21.10.2025

Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Nhiệt độ tự cháy:	210 °C	(DIN 51794)
Phân huỷ do nhiệt:	30 - 400 °C Không có sự phân huỷ toả nhiệt trong khoảng nhiệt độ đề cập.	(DDK (DIN 51007))
Tự bắt cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó, sản phẩm không được phân loại là tự cháy.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
Khả năng tự gia nhiệt:	Chất không có khả năng tự gia nhiệt.	
Nguy cơ nổ:	Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.	
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.	
Áp suất hơi:	0.005472 hPa (20 °C) Giá trị ngoại suy	(được đo lường)
Tỷ trọng:	0.9209 g/cm3 (20 °C)	(tỷ trọng kế)
Tỷ trọng tương đối:	0.9209 (20 °C)	(tỷ trọng kế)
Tỷ trọng hơi (không khí):	5.94 (20 °C) Nặng hơn không khí.	(được tính toán)
Tính tan trong nước:	35 g/l (20 °C)	
Độ hoà tan (định tính) (các) dung môi:	các dung môi hữu cơ hoà tan	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	1.68 (25 °C)	(được đo lường)
Hấp thụ/nước - đất:	KOC: 10; biểu đồ KOC: 1.0	(được tính toán)
Sức căng bề mặt:	Dựa trên cấu trúc hóa học, không có khả năng có bề mặt hoạt tính.	
Tính nhớt, động lực:	31.9 mPa.s (20 °C) Số liệu được xác định qua kết quả tính toán bởi máy đo độ nhớt động học	(OECD 114)
	11.0 mPa.s (40 °C) Số liệu được xác định qua kết quả tính toán bởi máy đo độ nhớt động học	(OECD 114)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 17.10.2022
Sản phẩm: **Hydroxycitronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035054/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Tính nhớt, động học:	34.6 mm ² /s (20 °C)	(OECD 114)
	12.1 mm ² /s (40 °C)	(OECD 114)

Khối lượng mol: 172.27 g/mol

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Tránh tiếp xúc với không khí. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở.
Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: 30 - 400 °C (DDK (DIN 51007))
Không có sự phân huỷ toả nhiệt trong khoảng nhiệt độ đề cập.

Những chất cần tránh:

các tác nhân oxy hóa mạnh, các axit, các chất bazơ

Sự ăn mòn kim loại: Không ăn mòn kim loại

Những phản ứng nguy hiểm:

Khi bị phân tán dạng mịn, quá trình tự bắt cháy có thể hình thành.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:

Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

11. Thông tin về độc tính

Các đường phơi nhiễm

Độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD₅₀ chuột (miệng): > 6,400 mg/kg (theo Hướng dẫn OECD 401)

Độc cấp tính trên da

LD₅₀ thỏ (da): > 2,000 mg/kg

Không có trường hợp tử vong nào được ghi nhận.

Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 17.10.2022
Sản phẩm: **Hydroxycitronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035054/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 21.10.2025

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:
Không gây kích ứng da. Tiếp xúc với mắt gây kích ứng.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
Ẩn mồn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng (Chỉ thị 84/449/EEC, B.4)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: Gây kích ứng. (Thí nghiệm BASF)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:
Có thể là nguyên nhân gây dị ứng với da.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
chuột: làm mẫn cảm da (tương tự OECD hướng dẫn 429)
Dữ liệu tài liệu.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:
Chất không gây đột biến trên vi khuẩn. Chất gây đột biến trên hệ thử nghiệm tế bào động vật có vú. Những phát hiện này cho sức khỏe con người là không rõ ràng vào thời điểm này, các xét nghiệm thêm đang được tiến hành.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:
Không có sẵn các dữ liệu.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:
Ở liều lượng cao, không loại trừ hoàn toàn nguy cơ gây ảnh hưởng đến khả năng sinh sản. Các kết quả được xác định trong Thí nghiệm sàng lọc (OECD 421/422). Những phát hiện này cho sức khỏe con người là không rõ ràng vào thời điểm này, các xét nghiệm thêm đang được tiến hành.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:
Không thể loại trừ nguy cơ tiềm tàng gây độc cho phát triển khi tiếp xúc với hóa chất liều lượng cao. Các kết quả được xác định trong Thí nghiệm sàng lọc (OECD 421/422). Hiệu ứng độc hại tiềm ẩn đang trong quá trình kiểm chứng.

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 17.10.2022
Sản phẩm: **Hydroxycitronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035054/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 21.10.2025

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp. Kết quả được xác định trong một thử nghiệm sàng lọc.

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Tác hại cấp tính cho thủy sinh vật. Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) 31.6 mg/l, *Leuciscus idus* (DIN 38412 Phần 15, tính điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Loài không xương sống thủy sinh:

LC50 (48 h) 410 mg/l, *Daphnia magna* (Chỉ thị 79/831/EEC, tính điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) 123.32 mg/l, *Scenedesmus subspicatus* (DIN 38412 Phần 9, tính điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC10 (17 h) 625 mg/l, *Pseudomonas putida* (DIN 38412 Phần 8, hiệu khí)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

EC20 (30 min) > 1,000 mg/l, bùn hoạt tính (DIN EN ISO 8192-OECD 209-88/302/EEC, P. C, hiệu khí)

Độc mãn tính cho loài cá:

Không có sẵn các dữ liệu.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Không có sẵn các dữ liệu.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Không dữ liệu nào cho thấy có liên quan đến tác dụng gây độc cho sinh vật trên cạn.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:

80 - 90 % BOD của ThOD (28 d) (Hướng dẫn OECD 301 F) (hiệu khí, bùn hoạt tính)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 17.10.2022
 Sản phẩm: **Hydroxycitronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035054/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 21.10.2025

Đánh giá tính ổn định trong nước:

Chất dễ dàng phân huỷ sinh học, vì vậy sự thủy phân không được dự kiến sẽ có liên quan.

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Bởi vì hệ số tích lũy giữa n-octanol/nước trong sinh khối là không hoàn toàn bình thường.

13. Thông tin về thải bỏ

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Sea transport

IMDG	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
Special precautions for user	None known

Vận tải hàng không

IATA/ICAO	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng

Air transport

IATA/ICAO	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID	Not applicable

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 17.10.2022
 Sản phẩm: **Hydroxycitronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035054/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 21.10.2025

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng	number: UN proper shipping name:	Not applicable
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng	Transport hazard class(es):	Not applicable
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng	Packing group:	Not applicable
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng	Environmental hazards:	Not applicable
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin	Special precautions for user	None known

15. Thông tin về pháp luật

Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật hóa chất.

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và các thông tư hướng dẫn liên quan, cũng như các quy định thay thế (nếu có). - Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Khi có bất cứ văn bản pháp luật mới thay thế, chúng tôi sẽ tự động kiểm và cập nhật các thông tin, dữ liệu của phiếu An toàn hóa chất này.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.